

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0400463362
- Vốn điều lệ : 14.986.800.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 14.986.800.000 đồng
- Địa chỉ : 78 Pasteur, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng.
- Số điện thoại : 0511 3886497 – 0511 3889326
- Số Fax : 0511 3887793
- Website : www.sachgiaoduc.com
- Mã cổ phiếu : DAE

2. Quá trình hình thành và phát triển :

Ngày 29/03/2004, ông Tổng Giám đốc Nhà xuất bản giáo dục (viết tắt NXBGD) nay là Công ty TNHH 1 Thành viên NXBGD Việt Nam (viết tắt là NXBGD VN) đã ký quyết định số 395/QĐ-TC thành lập Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP.Đà Nẵng (viết tắt là Công ty) với vốn điều lệ ban đầu là: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).

Ngày 28/12/2006, Công ty chính thức niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 65/TTGDCKHN-ĐKGD ngày 06/12/2006 của Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAE.

Trong năm 2007, Công ty đã tăng vốn điều lệ thêm 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn) từ việc trả cổ tức năm 2007 bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông.

Cuối năm 2007, Công ty đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ ; Việc phát hành thêm 848.680 cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 14.986.800.000 đồng (Mười bốn tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng) được thực hiện trong tháng 3 năm 2008.

Ngày 04/06/2008, số cổ phiếu tăng thêm đã được chính thức được giao dịch trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Theo thông báo số 228/TB-TTGDHN ngày 29/05/2008 của Trung tâm GDCK Hà Nội) nâng số cổ phiếu được giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội lên 1.498.680 cổ phiếu.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty :

+ Ngành nghề kinh doanh : Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 02/04/2004. Đến nay Công ty đã 4 lần thay đổi giấy phép kinh doanh và lần gần đây nhất là vào ngày 18/04/2011 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới là : 0400463362. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm các ngành nghề chủ yếu sau :

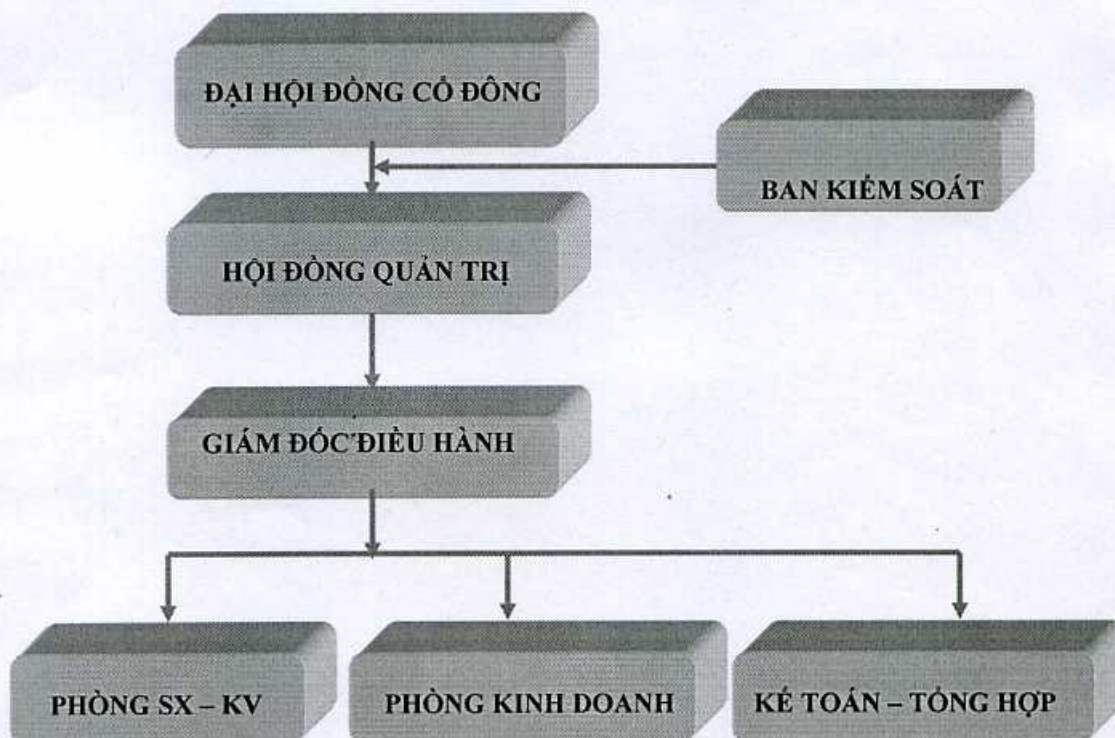
- Liên kết sản xuất báo, tạp chí, và các sản phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;.....

+ Địa bàn kinh doanh : Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xuất bản, phát hành sách phục vụ cho học sinh, sinh viên, giáo viên ... các bậc học từ mầm non đến đại học tại tất cả các tỉnh, thành phố trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý:

+ Mô hình quản trị của Công ty được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Điều hành đứng đầu là Giám đốc.

+ Bộ máy quản lý : Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty như sau :



5. Định hướng phát triển:

Công ty luôn duy trì mục tiêu chủ yếu là phát triển ổn định, bền vững, mở rộng thị trường trong cả nước. Đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp và duy trì lợi ích cho cổ đông.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty là giữ uy tín với bạn đọc về nội dung, chất lượng và giá cả sách giáo dục. Thực hiện đúng định hướng phát triển của NXBGDVN là không ngừng tìm kiếm bản thảo mới với tiêu chí giúp người đọc nâng cao cả trí tuệ và tinh thần.

Trong giai đoạn từ 2015 đến 2018, Công ty sẽ tập trung chủ yếu vào các công việc sau:

+ Tìm kiếm, phát triển đội ngũ tác giả, cộng tác viên để tổ chức bản thảo STK mới; chọn lọc, biên tập chỉnh lí bản thảo STK hiện có tiếp cận chương trình SGK mới.

+ Mở rộng, phát triển mạng lưới phát hành, có chính sách ưu đãi đối với những đối tác, đại lý, khách hàng chiến lược; song song đẩy mạnh hệ thống bán lẻ, lưu động.

6. Các rủi ro:

Rủi ro về thị trường: Công ty phải mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp nên chịu rủi ro về việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu cũng như lãi suất cho vay.

Rủi ro về vốn : Công ty chịu rủi ro về vốn, tuy nhiên trong công tác quản trị nguồn vốn, Công ty luôn duy trì nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 :

Năm 2014 nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục có nhiều khó khăn, các chính sách về tiền tệ được Nhà nước quan tâm nhất là chính sách về lãi suất tiền vay. Nhờ vậy đối với Công ty kết quả kinh doanh năm 2014 có nhiều khả quan do chi phí lãi vay giảm làm tăng lợi nhuận.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 theo kế hoạch đã đề ra được thông qua trong nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên :

| CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN NĂM 2013 | KẾ HOẠCH NĂM 2014 | THỰC HIỆN NĂM 2014 | % 2014/2013 | % TH/KH |
|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|-------------|---------|
| + Doanh thu thuần | 62,988 tỷ đồng | 64,000 tỷ đồng | 64,680 tỷ đồng | 102,7% | 101,1 % |
| + Lợi nhuận | 5,725 tỷ đồng | 5,600 tỷ đồng | 5,835 tỷ đồng | 101,9% | 104,2 % |
| + Cổ tức | 16% | 16% | 16% | 100,0% | 100,0% |

Với kế hoạch doanh thu được xây dựng trên cơ sở đánh giá được các yếu tố về năng lực của Công ty, khả năng của thị trường ... Công ty đã đưa ra chỉ tiêu kế hoạch cao hơn doanh thu đạt được của năm 2013 và thực tế năm 2014 Công ty đã cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu của năm 2014 đề ra.

Lợi nhuận năm 2014 tăng 4,2% so với kế hoạch và tăng gần 2% so với cùng kỳ. Năm 2014 các chi phí đầu vào như : nguyên vật liệu, nhiên liệu không thay đổi so với năm 2013; mặc khác chi phí lãi vay năm 2014 giảm so với cùng kỳ năm .

Trong năm 2014, chính sách thuế TNDN không còn được Nhà nước ưu đãi như năm 2013 (thuế suất thuế TNDN năm 2013 là 10%); thuế suất thuế TNDN năm 2014 là 22% . Do vậy tuy lợi nhuận năm 2014 tăng nhưng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 lại giảm trên 10% so với năm 2013 (Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2014 là 4,568 tỷ đồng, năm 2013 là 5,114 tỷ đồng).

2. Tổ chức nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

- | | |
|------------------------|---|
| 1. Họ và tên | : Phạm Nhiêu |
| ▪ Chức vụ | : Ủy viên Hội đồng quản trị Cty CP SGD tại ĐN Giám đốc Công ty |
| ▪ Giới tính | : Nam |
| ▪ Ngày tháng năm sinh | : 03/12/1958 |
| ▪ Nơi sinh | : Điện Minh, Điện Bàn, Quảng Nam |
| ▪ Quốc tịch | : Việt Nam |
| ▪ Địa chỉ thường trú | : Số 53, Đường Nguyễn Biểu, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng |
| ▪ Điện thoại liên lạc | : 0511.3889 326 |
| ▪ Trình độ văn hóa | : 12/12 |
| ▪ Trình độ chuyên môn | : Cao đẳng Sư phạm |
| ▪ Tỷ lệ sở hữu cổ phần | : 0,8% |
| 2. Họ và tên | : Nguyễn Thế Dũng |
| ▪ Chức vụ | : Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty |
| ▪ Giới tính | : Nam |

- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1969
- Nơi sinh : Điện Bàn, Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : K125/6 Ngô Gia Tự, Q.Hải Châu, TP ĐN
- Điện thoại liên lạc : 0511. 889 327
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,8%

3. Họ và tên : Nguyễn Thị Minh Tâm

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm kế toán trưởng Cty CP Sách Giáo dục tại TP ĐN
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/01/1970
- Nơi sinh : TP Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 38 Lê Đình Dương, Q.Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0511.3886 497
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,2%

4. Họ và tên : Trần Đám Nhiệm

- Chức vụ : Phó phòng SX-KV
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 05/05/1975
- Nơi sinh : Tam Tiến, Núi Thành, Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tam Tiến, Núi Thành, Quảng Nam
- Điện thoại liên lạc : 0511.3887897

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân khoa học
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,0%

- Những thay đổi trong Ban điều hành :

Trong quý I năm 2014, ông Huỳnh Hoàng Phương Ủy viên HĐQT kiêm trưởng phòng kinh doanh được chuyển công tác về Công ty CP sách TBTH Quảng Ngãi.

- Số lượng cán bộ công nhân viên (viết tắt CBCNV):

Năm 2014, Công ty có bổ sung 1 nhân viên cho phòng kế toán – tổng hợp, như vậy tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2014 là 26 người.

Chính sách với người lao động trong năm 2014 không thay đổi so với các năm trước:

* Toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty được hưởng lương, thưởng từ quỹ tiền lương của Công ty gồm 2 khoản lương cơ bản và lương theo năng suất:

$$\begin{array}{l} \text{Lương} \\ \text{Cơ bản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{lương CB} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức lương tối thiểu} \\ \text{(Theo quy định của NN)} \end{array}$$

Hệ số lương cơ bản được xác định căn cứ Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ và thông tư 01/2005/TT-BLĐTBXH ngày 05/01/2005 của Bộ lao động – Thương binh và Xã hội. (Lương cơ bản là cơ sở để tính lương nộp BHXH, BHYT của CBCNV)

Lương năng suất được xác định căn cứ vào công việc được giao, hiệu quả công việc và trách nhiệm của từng CBCNV trong từng quý.

* Ngoài lương, Công ty còn được Đại hội đồng cổ đông thường niên đồng ý cho phép trích quỹ khen thưởng phúc lợi 13% từ lợi nhuận sau thuế; trong đó 25% nguồn quỹ này để Chủ tịch Hội đồng thành viên NXBGD VN có nguồn để kịp thời khen thưởng, động viên CBCNV Công ty và 75% còn lại là quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty do Giám đốc điều hành sử dụng để khen thưởng cũng như phục vụ các hoạt động phúc lợi xã hội khác cho lao động Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn : trong năm 2014, Công ty thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư 09/DAE/2013/ĐTXB ngày 30/12/2013 với mục đích đầu tư cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa, sách bổ trợ trong thời gian 5 năm.

Các khoản đã đầu tư vào các Công ty thành viên NXBGDVN vẫn không thay đổi :

- * Công ty CP Bản đồ & tranh ảnh giáo dục (mã ECI) | Đang niêm yết tại Sở
- * Công ty CP sách & TBTH Tp Hồ Chí Minh (mã STC) | giao dịch CK Hà Nội
- * Công ty CP in & phát hành sách TBTH Quảng Nam
- * Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Đà Nẵng.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 của các đơn vị thành viên NXBGDVN mà Công ty đã đầu tư, đều đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Chủ tịch Hội đồng thành viên NXBGDVN giao. Trong năm 2014 các đơn vị trên đã thực hiện trả cổ tức từ 10%-20%. Cụ thể như sau :

ĐVT : Tỷ đồng

| Tên đơn vị | Giá trị vốn góp | Số CP nắm giữ | Vốn Điều lệ | Doanh thu thuần | Lợi nhuận | Cổ tức * |
|---|-----------------|---------------|-------------|-----------------|-----------|--|
| Cty CP Sách TBTH Tp.HCM (Cty con của NXBGD VN) | 0,456 | 29.300 | 56,655 | 281,025 | 15,404 | Đã nhận trong năm 2014 là : 15% cổ tức năm 2013 và năm 2014 là 13% |
| Cty CP Bản đồ - tranh ảnh GK (CTy con của NXBGD) | 0,119 | 10.294 | 18,60 | 55,636 | 3,616 | Đã nhận trong năm 2014 là : 7% đợt 2 năm 2013 và năm 2014 là 14% |
| Cty CP In – PHS & TBTH Quảng Nam (CTy con NXBGD) ** | 0,242 | 33.750 | 4,50 | 44,150 | 2,020 | Đã nhận trong năm 2014 là 20% cổ tức năm 2013, gồm 12,5% bằng cổ phiếu và 7,5% bằng tiền mặt |
| Cty CP Dvụ XBGD tại Tp. Đà Nẵng(CTy con NXBGD) | 0,350 | 35.000 | 3,997 | 8,631 | 0,838 | Đã nhận trong năm 2014 là 10% cổ tức năm 2013. |

(*) : Cổ tức mà Công ty đã nhận bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu hoặc được ghi nhận khi có thông báo chốt danh sách cổ đông trả cổ tức trước thời điểm 31/12/2014.

(**) : Trong năm 2014, Công ty CP In – PHS & TBTH Quảng Nam đã thực hiện trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 12,5% và 7,5% bằng tiền; do vậy vốn điều lệ đến thời điểm 31/12/2014 là 4,5 tỷ đồng (Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2013 là 4,0 tỷ đồng), và cổ phiếu của Công ty In – PHS & TBTH Quảng Nam mà Công ty đang sở hữu tăng từ 30.000 cổ phiếu lên 33.750 cổ phiếu trong năm 2014. Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 8/02/2015 đã thông qua nghị quyết về việc Công ty CP In – PHS & TBTH Quảng Nam thực hiện trả cổ tức năm 2014 là 20% bằng tiền.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính :

Đơn vị tính : đồng

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 39.900.678.944 | 41.202.562.479 | + 3,3% |
| Doanh thu thuần | 62.988.943.388 | 64.680.296.460 | + 0,1% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.725.269.580 | 5.835.156.673 | +2,7% |
| Lợi nhuận khác | 0 | 136.364 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 5.725.269.580 | 5.835.293.037 | + 1,9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.114.379.246 | 4.567.931.197 | -10,7% |
| Tỷ lệ cổ tức | 16% | 16% | |

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

| Các chỉ tiêu | Năm 2013 | Năm 2014 | Ghi chú |
|--|----------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn : TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh : TSLĐ-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn | 7,28 4,10 | 3,88 1,80 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,36 0,55 | 0,38 0,60 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 3,33 1,58 | 3,28 1,57 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số LNST/ Doanh thu thuần + Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số LNST/ Tổng tài sản + Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần | 0,081 0,199 0,128 0,091 | 0,071 0,177 0,111 0,090 | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là 1.498.680 cổ phần, toàn bộ số lượng cổ phần của Công ty đều được chuyển nhượng tự do trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

b. Cơ cấu cổ đông :

Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chốt ngày 08/01/2015 (số công văn V008/2015-DAE/VSD-ĐK) như sau :

+ Tổng số cổ đông của Công ty gồm 286 cổ đông trong nước và 10 cổ đông nước ngoài. Trong đó, Công ty TNHH 1TV NXBGD VN (Công ty mẹ) chiếm 29,41% vốn điều lệ.

+ Cơ cấu cổ đông của Công ty như sau :

| Cổ đông | Số cổ phần nắm giữ (cổ phần) | Giá trị vốn cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|---------------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------|
| Tổng số cổ phần | 1.498.680 | 14.986.800.000 | 100,00 |
| Pháp nhân | | | |
| - NXBGD VN | 440.761 | 4.407.610.000 | 29,41 |
| - Công ty khác | 5.560 | 55.600.000 | 0,04 |
| Thế nhân | | | |
| - Cổ đông nội bộ và CBCNV C.ty | 41.635 | 416.350.000 | 2,76 |
| - Cổ đông bên ngoài | 1.010.724 | 10.107.240.000 | 67,44 |
| <i>Tr.đó cổ đông nước ngoài</i> | <i>509.258</i> | <i>5.092.580.000</i> | <i>33,98</i> |

+ Ngoài cổ đông lớn là NXBGD VN, cổ đông có số cổ phần trên 5% vốn điều lệ gồm :

- * Công ty Mekong Fortfolio Investment Limited : 341.800 cổ phần (22,81%)
- * Cổ đông Nguyễn Hoàng Giang : 106.500 cổ phần (7,11%)
- * Cổ đông Peter Eric Dennis : 106.700 cổ phần (7,124%)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Công tác đấu thầu, nhận thầu :

Tham gia đấu thầu, nhận thầu 143 đầu sách với số lượng 2.865.000 bản trong 3 năm.

Trong đó : + Sách mới : 35 đầu sách, số lượng 107.000 bản

+ Sách tái bản : 108 đầu sách, số lượng 2.758.000 bản

Ngoài ra Công ty cũng liên kết với Công ty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng tổ chức được 7 đề tài sách tham khảo. Tuy nhiên việc phát hành 7 đề tài này không thuận lợi như mong muốn do tiến độ biên tập chậm.

b. Công tác in

| STT | Tình hình in STK | Năm 2013 | Năm 2014 | (%) So sánh 2014 / 2013 |
|---------------|-------------------------------|------------------|------------------|----------------------------|
| 1 | Số đầu sách | 177 | 241 | 136,16% |
| | - STK mới | 27 | 40 | 148,15% |
| | - Sách tái bản | 140 | 191 | 136,43% |
| | - Sách hỗ trợ | 10 | 10 | 100,00% |
| 2 | Số lượng in (bản): | 4.272.260 | 4.149.600 | 97,13% |
| | - STK mới | 239.460 | 121.000 | 50,53% |
| | - Sách tái bản | 2.891.800 | 2.857.600 | 98,82% |
| | - Sách hỗ trợ | 1.141.000 | 1.171.000 | 102,63% |
| | Bình quân bản/đầu sách | 24.137 | 17.218 | 71,34% |
| | - STK mới | 8.869 | 3.025 | 34,11% |
| | - Sách tái bản | 20.656 | 14.961 | 72,43% |
| - Sách hỗ trợ | 114.100 | 117.100 | 102,63% | |

Công tác điều hành in các sai phạm trong công tác in đã được giảm tạo điều kiện giảm giá thành sản phẩm. Mặc khác việc kế hoạch in được xây dựng khá hợp lý, sát nhu cầu đã giúp đảm bảo tiến độ nhập kho, đồng thời việc giải quyết tốt việc in gấp nhập nhanh đối với một số đầu sách đã giúp cho công tác phát hành năm 2014 khá thuận lợi, không có tình trạng không đáp ứng được đơn đặt hàng bởi tiến độ nhập kho chậm.

Số lượng bản in bình quân 1 đầu sách giảm so với năm trước là do chính sách tồn kho của Công ty trong năm 2014: giảm tồn kho nhằm hạn chế rủi ro về tồn kho nên Công ty đã giảm số lượng in đối với từng tên sách.

Đối với sách mới phát hành trong năm 2014, do xác định các đề tài mới khó có khả năng phát hành số lượng lớn nên Công ty chỉ thực hiện in với số lượng thấp để thăm dò thị trường và hạn chế rủi ro về tồn kho.

c. Công tác phát hành

| NHÓM KHÁCH HÀNG | Năm 2013 | | Năm 2014 | | % So sánh 2014/2013 | |
|------------------------|------------------|------------------------|------------------|------------------------|---------------------|--------------|
| | Số lượng (bản) | Doanh thu (triệu đồng) | Số lượng (bản) | Doanh thu (triệu đồng) | Số lượng | Doanh thu |
| Các C.ty sách TBTH | 254 135 | 3 496 922 161 | 327 594 | 4 721 753 272 | 128,9 | 135,0 |
| Các đơn vị thuộc NXBGD | 2 898 190 | 30 752 567 488 | 2 742 730 | 28 782 882 660 | 94,6 | 93,6 |
| Đơn vị khác | 2 247 831 | 27 639 103 075 | 2 430 945 | 30 030 503 485 | 108,1 | 108,7 |
| Cửa hàng | 95 206 | 1 106 716 147 | 90.708 | 1 145 157 043 | 95,3 | 103,5 |
| Tổng cộng | 5 485 450 | 62 988 943 388 | 5 591 977 | 64 680 296 460 | 101,9 | 102,7 |

Phân tích kế hoạch sản lượng phát hành theo mảng sản phẩm :

| Loại xuất bản phẩm | Kế hoạch năm 2014 (bản) | Thực hiện năm 2014 (bản) | % Tỷ lệ TH/KH | % So sánh cùng kì năm 2013 |
|-----------------------------|-------------------------|--------------------------|---------------|----------------------------|
| Sách giáo khoa | 65 000 | 56 690 | 87,2 | 87,5 |
| Sách bổ trợ | 1 100 000 | 1 184 193 | 107,7 | 103,8 |
| STK các loại | 3 985 000 | 4 014 036 | 100,7 | 102,0 |
| Sản phẩm khác (Bản đồ TAGK) | 350 000 | 337 058 | 96,3 | 97,9 |
| TỔNG | 5 500 000 | 5 591 977 | 101,7 | 101,9 |

Thực hiện tốt chủ trương của NXBGDVN trong công tác phát hành, Công ty tiếp tục phát hành đầy đủ các mảng sách của các đơn vị thành viên NXBGDVN; trong đó mảng sách giáo khoa được phát hành trực tiếp cho giáo viên, học sinh thông qua cửa hàng bán lẻ của Công ty. Mảng sách bổ trợ Công ty tiếp tục thực hiện phương thức phát hành trọn gói cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển giáo dục tại Đà Nẵng và doanh thu năm 2014 của mảng sách này tăng đáng kể.

Mặc khác, doanh thu sách tham khảo Công ty được duy trì ổn định và có tăng trưởng trong năm 2014.

Công ty luôn duy trì mối quan hệ hợp tác và cùng có lợi với các khách hàng như : các Công ty sách TBTH, các Đại lý tiềm năng và tiếp tục thực hiện tốt hợp đồng phát hành sách đến thư viện các trường học thuộc Tỉnh Thanh Hóa và Tỉnh Thừa Thiên Huế.

d. Kết quả kinh doanh

| CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN NĂM 2013 | KẾ HOẠCH NĂM 2014 | THỰC HIỆN NĂM 2014 | % 2014/2013 | % TH/KH |
|----------------------|--------------------|-------------------|--------------------|-------------|---------|
| + Doanh thu thuần | 62,989 tỷ đồng | 64,000 tỷ đồng | 64,680 tỷ đồng | 102,7% | 101,1 % |
| + LN trước thuế TNDN | 5,725 tỷ đồng | 5,600 tỷ đồng | 5,835 tỷ đồng | 101,9% | 104,2 % |
| + LN sau thuế TNDN * | 5,114 tỷ đồng | 4,368 tỷ đồng | 4,567 tỷ đồng | 89,3% | 104,6% |
| + Cổ tức | 16% | 16% | 16% | 100,0% | 100,0% |

(*) Năm 2014, Công ty không được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi như năm 2013 (Thuế suất thuế TNDN năm 2013, Công ty áp dụng theo thông tư 123/2012-BTC là 10%); khi xây dựng kế hoạch tài chính Công ty đã thực hiện theo thuế suất 22% theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 16/12/2013. Và thuế suất TNDN năm 2014 của Công ty là 22%; do vậy dù lợi nhuận trước thuế năm 2014 tăng gần 2% so với năm 2013 nhưng lợi nhuận sau thuế năm 2014 giảm trên 10% so với năm 2013.

Đến 31/12/2014, Công ty đã thực hiện xong việc tạm ứng cổ tức năm 2014 là 16%.

2. Tình hình tài chính :

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản năm 2014 trên bảng cân đối kế toán là 41.202.562.479 đồng cao hơn so với năm 2013 là 39.900.678.944 đồng (tăng 3,3% so với năm 2013).

Giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2014 tăng 24% so với thời điểm 31/12/2013 :

+ Trong năm 2014, Ban giám đốc Công ty vẫn tiếp tục chủ trương giảm giá trị hàng tồn kho sách; giá trị hàng tồn kho sách giáo khoa, sách tham khảo năm 2014 giảm 2,1 tỷ đồng. Cụ thể : giá trị tồn kho sách giáo khoa, sách tham khảo tại thời điểm 31/12/2014 là 9,5 tỷ đồng và tại thời điểm 31/12/2013 là 11,6 tỷ đồng. Và như vậy dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2014 thấp hơn so với năm 2013.

+ Để phục vụ kế hoạch in trong quý I và quý II năm 2015, trong cuối quý IV năm 2014 Công ty đã nhập vật tư làm tăng giá trị nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm 31/12/2014 tăng 3,5 tỷ đồng. (Giá trị vật tư tại thời điểm 31/12/2014 là 8,46 tỷ đồng, giá trị vật tư tại thời điểm 31/12/2013 là 4,94 tỷ đồng).

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2014 so với cùng kỳ năm 2013 có tăng trên 1 tỷ đồng do: Công ty thực hiện nhập vật tư trong quý IV năm 2014.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý :

Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 tổ chức vào ngày 15/04/2014 đã bầu ông Ông Thừa Phú – Phó Tổng giám đốc NXBGDVN kiêm giám đốc NXBGD Đà Nẵng vào Hội đồng quản trị Công ty thay thế ông Huỳnh Hoàng Phương.

Trong năm 2014, cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý của Công ty không có thay đổi so với các năm 2013.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Theo nhận định chung kinh tế Việt Nam nói chung năm 2014 đã qua là một năm khá khó khăn, riêng đối với ngành giáo dục đã có những khó khăn mới và thách thức mới phát sinh và sẽ kéo dài trong các năm tiếp theo . Tuy đã có những định hướng hết sức khả quan của Ban lãnh đạo NXBGDVN, nhưng đối với Công ty công tác phát hành trong năm 2015 và các năm tiếp theo sẽ không thuận lợi: khách hàng sẽ đặt hàng khá dè dặt do tâm lý ngại tồn kho, tâm lý phụ huynh và học sinh vẫn còn hoang mang đối với những thay đổi về chính sách thi cử cũng như vấn đề sách giáo khoa.

Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2014 cũng đã thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2015-2018 trong phương hướng hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ III (2014-2019) như sau :

| Chỉ tiêu | Đvt | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 |
|-----------|---------|------|-------|-------|------|
| Doanh thu | Tỉ đồng | 62 | 60 | 60 | 64 |
| Lợi nhuận | Tỉ đồng | 5,2 | 5,0 | 5,0 | 5,4 |
| Cổ tức | % | 15 | 13-15 | 13-15 | 15 |

5. Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến Kiểm toán : Công ty không có ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty trong năm 2014.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

+ Hoạt động của Công ty trong năm đã tuân thủ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 đề ra. Các chỉ tiêu cơ bản :

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 101,1%, lợi nhuận trước thuế đạt 104,2% so với chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trước thuế mà Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 đã thông qua.
- Chỉ tiêu cổ tức theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông nhất là 16%, Công ty đã thực hiện tạm ứng cho cổ đông trước 31/12/2014 là 16% .

+ Các thành viên của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy chế họp định kỳ mỗi quý 1 lần để thực hiện đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HĐQT của Ban điều hành và chỉ đạo thực hiện các công việc trong quý sau.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Ban Giám đốc:

+ Ban giám đốc đã hoạt động tuân thủ theo đúng luật pháp, điều lệ Công ty cũng như những định hướng của HĐQT.

+ Ban giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị :

+ Năm 2014 là năm đầu tiên trong nhiệm kỳ III (2014-2019) của Hội đồng quản trị, với kết quả mà HĐQT cũng như Ban điều hành Công ty đạt được trong năm 2014, HĐQT đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 mà Ban điều hành xây dựng :

Doanh thu : 62 tỷ

Lợi nhuận trước thuế : 5,4 tỷ

Cổ tức 16%

Tuy nhiên HĐQT cũng mong muốn Công ty sẽ phải cố gắng để duy trì kết quả như năm 2014 về các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận; đảm bảo đạt 100% các chỉ tiêu mà Chủ tịch HĐQT NXBGDVN đã giao :

- Doanh thu : 65 tỷ đồng
- Lợi nhuận : 5,8 tỷ đồng
- Cổ tức : 16%

+ HĐQT cũng có những định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015 và trong những năm tiếp theo với các mục tiêu :

- Bảo toàn vốn.

- Đầu tư an toàn và có trọng điểm .
- Chủ động chuẩn bị cho chủ trương đổi mới chương trình sách giáo khoa.
- Ổn định nhân sự, phát huy năng lực đội ngũ kế cận.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị : Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 đã nhất trí thông qua thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2014-2019) gồm 5 thành viên :

- | | | |
|--|---|--|
| 1. Họ và tên | : | Huỳnh Bá Vân |
| ▪ Chức vụ | : | Chủ tịch HĐQT Cty cổ phần Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng ; Giám đốc Công ty CP đầu tư tài chính giáo dục (mã chứng khoán EFI). |
| ▪ Giới tính | : | Nam |
| ▪ Ngày tháng năm sinh | : | 10/11/1953 |
| ▪ Nơi sinh | : | Tam Quan, Hoài Nhơn, Bình Định |
| ▪ Quốc tịch | : | Việt Nam |
| ▪ Địa chỉ thường trú | : | Số 12 Nguyễn Gia Thiều, TP. Đà Nẵng |
| ▪ Điện thoại liên lạc | : | 0903505082 |
| ▪ Trình độ văn hóa | : | 10/10 |
| ▪ Trình độ chuyên môn | : | Cử nhân kinh tế |
| ▪ Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân | : | 0,0% |
| ▪ Là thành viên độc lập không tham gia điều hành | | |
| | | |
| 2. Họ và tên | : | Ông Thừa Phú |
| ▪ Chức vụ | : | Phó tổng giám đốc NXBGDVN kiêm giám đốc NXBGD Đà Nẵng; thành viên HĐQT Công ty CP sách giáo dục tại Tp. Đà Nẵng. |
| ▪ Giới tính | : | Nam |
| ▪ Ngày tháng năm sinh | : | 05/10/1971 |
| ▪ Nơi sinh | : | Hòa Châu, Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng |
| ▪ Quốc tịch | : | Việt Nam |

- Địa chỉ thường trú : Số 498 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0903545545
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần cá nhân : 0,067%
- Là thành viên độc lập không tham gia điều hành

3. Họ và tên : Phạm Nhiêu

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT CTy CP SGD tại Tp. Đà Nẵng;
Giám đốc Công ty

4. Họ và tên : Nguyễn Thế Dũng

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT CTy CP SGD tại Tp. Đà Nẵng;
Phó giám đốc Công ty

5. Họ và tên : Nguyễn Thị Minh Tâm

- Chức vụ : Ủy viên HĐQT Cty CP SGD tại TP ĐN ;
Kế toán trưởng công ty

Nghị quyết HĐQT lần 1 năm 2015 đã thống nhất bầu ông Ông Thừa Phú làm Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/02/2015 thay cho ông Huỳnh Bá Vân.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị : không có tiểu ban thuộc HĐQT

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

+ Định kỳ mỗi quý các thành viên HĐQT và trường ban kiểm soát họp để đánh giá các hoạt động của Ban điều hành Công ty đã thực hiện trong quý vừa qua, đề ra các nhiệm vụ trọng tâm và định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

+ HĐQT căn cứ trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và tình hình cụ thể của Công ty để làm căn cứ đưa ra các quyết nghị về tỷ lệ, thời điểm chi trả cổ tức; quyết định về cơ cấu nhân sự; nội dung tổ chức Đại hội cổ đông ...

+ Thành viên HĐQT tham gia họp định kỳ hàng quý trong năm 2014 như sau :

| Họ và tên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|------------------------|------------------|---------------------|-------|---------------------------------------|
| 1. Huỳnh Bá Vân | Chủ tịch HĐQT | 04/04 | 100% | |
| 2. Ông Thừa Phú | Ủy viên HĐQT | 03/04 | 75% | Là thành viên HĐQT từ 15/04/2014 |
| 3. Phạm Nhiêu | Ủy viên HĐQT | 04/04 | 100% | |
| 4. Nguyễn Thế Dũng | Ủy viên HĐQT | 04/04 | 100% | |
| 5. Nguyễn Thị Minh Tâm | Ủy viên HĐQT | 04/04 | 100% | |
| 6. Huỳnh Hoàng Phương | Ủy viên HĐQT | 01/04 | 25% | Thôi là thành viên HĐQT từ 15/04/2014 |
| 7. Phạm Thị Thu Hương | T. ban kiểm soát | 04/04 | 100% | |

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : ông Ông Thừa Phú hiện nay là thành viên HĐQT không điều hành cũng là người đại diện phần vốn của Công ty mẹ (NXBGDVN), chỉ đạo các định hướng của NXBGDVN trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng thời điểm cụ thể trong năm.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát : Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên được bầu lại tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2014. Trưởng ban kiểm soát: Bà Phạm Thị Thu Hương hiện đang giữ chức vụ kế toán trưởng NXBGD Đà Nẵng; các thành viên khác là chuyên viên Phòng SX-KV và phòng kinh doanh của Công ty.

- 1. Họ và tên** : **Phạm Thị Thu Hương**
- Chức vụ : Trưởng ban kiểm soát Cty CP SGD tại TP ĐN
Kế toán trưởng NXBGD tại TP Đà Nẵng.
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày tháng năm sinh : 04/02/1974
 - Nơi sinh : Hải Phòng
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Địa chỉ thường trú : 94 Nguyễn Du, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
 - Điện thoại liên lạc : 0511.863 212/ 0914354577

- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,07%

2. Họ và tên : Đặng Thị Trang

- Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát Cty CP SGD tại ĐN
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/06/1973
- Nơi sinh : Hòa Phong, Hòa Vang, Đà Nẵng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 179/9 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0511 3889327
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần : 0,24%

3. Họ và tên : Đặng Lê

- Chức vụ : Thành viên Ban kiểm soát Cty CP SGD tại ĐN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 04/01/1956
- Nơi sinh : Duy Phước, Duy Xuyên, Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Tổ 39 Bình An, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại liên lạc : 0511.640 462
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học TV
- Số cổ phần nắm giữ : Không có

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

+ Ban kiểm soát tham gia cùng với đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty 2 lần trong năm.

+ Tham gia kiểm quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng định kỳ cuối mỗi tháng đúng theo quy định của NXBGDVN.

+ Trưởng ban kiểm soát tham gia vào các cuộc họp định kỳ của HĐQT để thảo luận về các vấn đề tài chính của Công ty, đồng thời xem xét các báo cáo của Công ty trước khi HĐQT chấp thuận.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

HĐQT và Ban kiểm soát được nhận thù lao trích từ 5% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014.

Năm 2014, Công ty đã thực chi thù lao cho HĐQT và BKS với tổng số tiền là: 225.500.000 đ.

Chi tiết thù lao từng thành viên HĐQT và BKS trong năm 2014 như sau :

| | | | |
|---------------------------|-------------------|---|--------------|
| 1. Ông Huỳnh Bá Vân | - Chủ tịch HĐQT | : | 45.300.000 đ |
| 2. Ông Ông Thừa Phú | - Thành viên HĐQT | : | 24.700.000 đ |
| 3. Ông Phạm Nhiêu | - Thành viên HĐQT | : | 41.600.000 đ |
| 4. Ông Nguyễn Thế Dũng | - Thành viên HĐQT | : | 32.700.000 đ |
| 5. Bà Nguyễn Thị Minh Tâm | - Thành viên HĐQT | : | 32.700.000 đ |
| 6. Ông Huỳnh Hoàng Phương | - Thành viên HĐQT | : | 8.000.000 đ |
| 7. Bà Phạm Thị Thu Hương | - Trưởng ban KS | : | 16.600.000 đ |
| 8. Ông Đặng Lê | - Thành viên BKS | : | 11.950.000 đ |
| 9. Bà Đặng Thị Trang | - Thành viên BKS | : | 11.950.000 đ |

Ông Huỳnh Bá Vân, ông Ông Thừa Phú và bà Phạm Thị Thu Hương ngoài thù lao không có các khoản lương và lợi ích nào khác.

Ban giám đốc, các thành viên HĐQT, thành viên BKS là nhân viên của Công ty được hưởng lương, thưởng theo quy định nội bộ của Công ty.

Ngoài thù lao HĐQT, thu nhập của Ban giám đốc Công ty năm 2014 như sau:

| | | | |
|------------------------|--------------------|---|---------------|
| 1. Ông Phạm Nhiêu | - Giám đốc Công ty | : | 404.597.000 đ |
| 2. Ông Nguyễn Thế Dũng | - Phó giám đốc | : | 336.498.000 đ |

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ :

Trong năm 2014, cổ đông nội bộ không có giao dịch cổ phiếu của Công ty.

c. Việc thực hiện các quy định quản trị công ty :

Năm 2014, Công ty đã tuân thủ theo đúng các quy định pháp lý có liên quan đến các hoạt động của Công ty từ hoạt động sản xuất kinh doanh đến việc quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán :

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán :

a. Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị tính : đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2014 VND | 31/12/2013 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 30.375.872.128 | 30.111.052.283 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 3.146.636.584 | 5.728.399.473 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 3.146.636.584 | 3.728.399.473 |
| 1. Các khoản tương đương tiền | 112 | 6 | - | 2.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 9.891.130.383 | 10.341.954.171 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 10.292.988.582 | 10.641.772.565 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 89.093.124 | 22.000.000 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 7 | 78.017.485 | 212.356.426 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (568.968.808) | (534.174.820) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 16.289.518.558 | 13.147.191.827 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 8 | 17.934.625.079 | 16.525.699.602 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.645.106.521) | (3.378.507.775) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.048.586.603 | 893.506.812 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 9 | 843.700.900 | 680.726.130 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 44.816.924 | 55.915.310 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | 10 | 58.465.379 | 6.401.972 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 11 | 101.603.400 | 150.463.400 |

Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2014 tiếp theo

| | | | | |
|---|------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 10.826.690.351 | 9.789.626.661 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.404.437.590 | 4.841.699.026 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 2.904.037.590 | 3.341.299.026 |
| - Nguyên giá | 222 | | 5.610.234.372 | 5.610.234.372 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (2.706.196.782) | (2.268.935.346) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 1.500.400.000 | 1.500.400.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.500.400.000 | 1.500.400.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 14 | 2.117.516.709 | 1.167.516.709 |
| 1. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 2.117.516.709 | 1.167.516.709 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | (2.125.000) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.304.736.502 | 3.782.535.926 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 15 | 4.304.736.502 | 3.782.535.926 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 41.202.562.479 | 39.900.678.944 |
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 15.384.479.917 | 14.231.467.963 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 7.825.686.584 | 4.134.642.612 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 16 | 3.000.000.000 | - |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 3.429.598.585 | 2.175.701.565 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 28.849.003 | 130.163.637 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 17 | 51.922.061 | 64.724.835 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 551.830.486 | 668.515.664 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 19 | 93.248.514 | 85.726.592 |
| 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 670.237.935 | 1.009.810.319 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 7.558.793.333 | 10.096.825.351 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | 7.546.793.333 | 10.084.825.351 |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 333 | 20 | 12.000.000 | 12.000.000 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 25.818.082.562 | 25.669.210.981 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 25.818.082.562 | 25.669.210.981 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 21 | 14.986.800.000 | 14.986.800.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 21 | 2.005.392.725 | 2.005.392.725 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 21 | 854.333.474 | 854.333.474 |
| 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | 21 | 1.164.460.301 | 936.063.741 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 21 | 6.807.096.062 | 6.886.621.041 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 41.202.562.479 | 39.900.678.944 |

b. Bảng kết quả kinh doanh :

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2014 VND | Năm 2013 VND |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ | 01 | 22 | 64.868.104.350 | 63.098.811.172 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 22 | 187.807.890 | 109.867.784 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10 | 22 | 64.680.296.460 | 62.988.943.388 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 48.394.730.752 | 46.921.564.180 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ | 20 | | 16.285.565.708 | 16.067.379.208 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 24 | 232.775.840 | 68.088.401 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 25 | 225.791.660 | 145.786.614 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 87.783.333 | 253.965.279 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 4.585.849.517 | 4.270.502.965 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 5.871.543.698 | 5.993.908.450 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 5.835.156.673 | 5.725.269.580 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 136.364 | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 136.364 | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 26 | 5.835.293.037 | 5.725.269.580 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 26 | 1.267.361.840 | 610.890.334 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | 27 | 4.567.931.197 | 5.114.379.246 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 26 | 3.048 | 3.413 |

(Báo cáo tài chính năm 2014 được kiểm toán đã được công bố thông tin theo đúng quy định)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CP. SGD TẠI TP. ĐÀ NẴNG



PHẠM NHIÊU